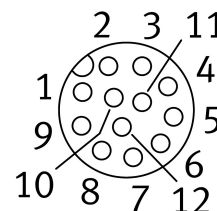
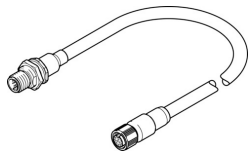


# Cáp encoder NEBM-M12G12-RS-2.23-N-M12G12H

Số bộ phận: 571902

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                      | Giá trị                                 |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|
| Tuân theo tiêu chuẩn                          | DIN 47100<br>EN 61984                   |
| Tên cáp                                       | không giá biển báo                      |
| Cổng nối điện 1, chức năng                    | Phía thiết bị hiện trường               |
| Cổng nối điện 1, thiết kế                     | tròn                                    |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối                 | Ổ cắm                                   |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cáp                   | thẳng                                   |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối            | M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101 |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây              | 12                                      |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng       | 11                                      |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn                     | Khóa vít với SW14                       |
| Cổng nối điện 2, chức năng                    | Phía điều khiển                         |
| Cổng nối điện 2, thiết kế                     | tròn                                    |
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối                 | Giắc cắm                                |
| Cổng nối điện 2, đầu ra cáp                   | thẳng                                   |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối            | M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101 |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây                   | 12                                      |
| Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng       | 11                                      |
| Cổng nối điện 2, kiểu gắn                     | Khóa vít với hình lục giác SW18         |
| Dải điện áp hoạt động DC                      | 0 V...30 V                              |
| Điện áp hoạt động danh định DC                | 24 V                                    |
| Dải điện áp hoạt động AC                      | 0 V...30 V                              |
| Điện áp hoạt động danh định AC                | 24 V                                    |
| Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C               | 1 A                                     |
| Lớp bảo vệ                                    | có                                      |
| Chiều dài cáp                                 | 2.23 m                                  |
| Đặc điểm dây dẫn                              | Thích hợp cho Robot                     |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển | 70 mm                                   |
| Đường kính cáp                                | 7 mm                                    |
| Cấu tạo cáp                                   | 12 x 0,14 mm <sup>2</sup>               |

| Đặc tính                                                    | Giá trị                   |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------|
| Mặt cắt danh định của dây dẫn                               | 0.14 mm <sup>2</sup>      |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP67                      |
| Lưu ý về mức độ bảo vệ                                      | ở trạng thái lắp          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                              | -25 °C...80 °C            |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | 0 °C...40 °C              |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                         | theo chỉ thị RoHS của EU  |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                       | theo các quy định UK RoHS |
| Tuân thủ LABS                                               | VDMA24364-B2-L            |
| Ghi chú vật liệu                                            | Tuân thủ RoHS             |
| mức độ ô nhiễm                                              | 3                         |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                        | 2 - bị ăn mòn vừa phải    |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                                         | TPE-U(PUR)                |
| Màu vỏ cáp                                                  | màu đen                   |
| Vật liệu vỏ                                                 | TPE-U(PUR)                |
| Vật liệu của phốt                                           | NBR                       |
| Vật liệu vỏ cách điện                                       | TPE-E                     |